Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2937.23.00

Mã HS	2937.23.00
Mô tả hàng hóa	Các hormon, prostaglandins, thromboxanes và leukotrienes, tự nhiên hoặc tái tạo bằng phương pháp tổng hợp; các dẫn xuất và các chất có cấu trúc tương tự của chúng, kể cả chuỗi polypeptit cải biến, được sử dụng chủ yếu như hormon / - Các hormon steroit, các dẫn xuất và các chất có cấu trúc tương tự của chúng: / - - Oestrogens và progestogens
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	09/11/2026 20:59:39
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/29372300/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4429
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4429
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4429
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4387
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4348
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4348
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4348
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4348
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4348
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4348
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4386
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4386
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4386
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4386

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4386
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4386
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4390
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4390
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4390
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4390
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4390
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4390
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4390
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4354
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4350
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4350
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4350
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4350
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4350
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4350
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4350
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4350
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4350
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4350
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4350
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4350
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4397
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4397
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4397
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4397

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4397
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4397
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4394
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4394
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4394
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4394
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4394
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4394
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4402
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4402
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4402
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4402
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4402
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4402
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4373
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4373
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4373
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4373
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4373
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4373
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4375
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4375
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4375
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4375
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4375
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4375

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4373
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4373
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4373
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4373
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4373
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4373
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4373
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4394
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4394
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4394
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4394
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4394
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4394
RCEP B	2022	2022	0	B!D4394
RCEP B	2023	2023	0	B!E4394
RCEP B	2024	2024	0	B!F4394
RCEP B	2025	2025	0	B!G4394
RCEP B	2026	2026	0	B!H4394
RCEP B	2027	2027	0	B!I4394
RCEP C	2022	2022	0	C!D4394
RCEP C	2023	2023	0	C!E4394
RCEP C	2024	2024	0	C!F4394
RCEP C	2025	2025	0	C!G4394
RCEP C	2026	2026	0	C!H4394
RCEP C	2027	2027	0	C!I4394
RCEP D	2022	2022	0	D!D4394

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E4394
RCEP D	2024	2024	0	D!F4394
RCEP D	2025	2025	0	D!G4394
RCEP D	2026	2026	0	D!H4394
RCEP D	2027	2027	0	D!I4394
RCEP E	2022	2022	0	E!D4397
RCEP E	2023	2023	0	E!E4397
RCEP E	2024	2024	0	E!F4397
RCEP E	2025	2025	0	E!G4397
RCEP E	2026	2026	0	E!H4397
RCEP E	2027	2027	0	E!I4397
RCEP F	2022	2022	0	F!D4394
RCEP F	2023	2023	0	F!E4394
RCEP F	2024	2024	0	F!F4394
RCEP F	2025	2025	0	F!G4394
RCEP F	2026	2026	0	F!H4394
RCEP F	2027	2027	0	F!I4394
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4044
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4044
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4044
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4044

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Thuốc độc, NL độc làm thuốc XK, NK (09/2024/TT-BYT-DM1)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2937.23.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2937.23.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4429), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Thuốc độc, NL độc làm thuốc XK, NK (09/2024/TT-BYT-DM1)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.